

Số: 1274 /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 25 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Công trình: Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn xác định giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Theo Văn bản số 1094/UBND-GTXD ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy mô cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư (tại Tờ trình số 929/TTr-SKHĐT ngày 22 tháng 7 năm 2016),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư.
2. Chủ đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.
3. Tổ chức lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn thiết kế & Đầu tư xây dựng Nam Việt.



4. Mục tiêu đầu tư: Sửa chữa định kỳ, chống xuống cấp kết hợp nâng cấp một số phòng ban đảm bảo tốt các điều kiện làm việc của cán bộ, công nhân viên trong cơ quan cũng như cho các đoàn công tác nước ngoài về làm việc tại tỉnh Hà Nam.

5. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

5.1. Cải tạo trụ sở làm việc cũ (*nhà 03 tầng + mái*):

- Thay mới 11 bộ cửa sổ và 03 bộ cửa đi bằng cửa gỗ nhóm III (cửa đi pa nô gỗ, cửa sổ pa nô kính); sửa chữa cong vênh 07 bộ cửa sổ.

- Xử lý chống thấm vách tường Phòng Trung tâm xúc tiến đầu tư (đổ bê tông, gắn tôn, quét keo chống thấm liên kết với lớp bê tông cũ bằng vít nở đồng có mũ).

- Cạo bỏ tường phòng hội trường tầng 02, một số vị trí tường bị bong rộp ẩm mốc sau đó sơn lại (01 nước lót, 02 nước sơn màu).

- Cải tạo 03 phòng vệ sinh lãnh đạo cơ quan: Thay mới hệ thống cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh; thoát nước sử dụng ống PVC $\Phi 90$, $\Phi 75$, $\Phi 40$; cấp nước sử dụng ống PPr $\Phi 32$, $\Phi 20$; các thiết bị vệ sinh gồm xí bệt, Lavabo dùng loại sứ trắng men, lắp đặt 03 bình nóng lạnh 20 lít; lát lại nền bằng gạch Ceramic 300x300 chống trơn; thay mới trần nhựa.

5.2. Xây mới nhà 03 tầng (*tại vị trí nhà để xe hiện tại*)

a) Phần kiến trúc:

- Công trình gồm 03 tầng, tầng 1 cao 3,9m, tầng 2,3 cao 3,6m, mái cao 1,7m. Mặt bằng công trình kích thước 20,0x7,4m. Tường xây gạch không nung, trát vữa xi măng mác 75.

- Nền và sàn nhà lát gạch Ceramic 600x600. Các khu vệ sinh trên tường ốp gạch men kính, sàn lát gạch Ceramic chống trơn 300x300. Bậc cầu thang và tam cấp xây gạch, mặt và cổ bậc lát đá Granit. Mái lợp tôn chống nóng trên xà gỗ thép, tường thu hồi.

- Hệ thống cửa đi bằng cửa gỗ nhóm III, cửa sổ bằng cửa nhựa lõi thép. Toàn bộ công trình được bả, sau đó sơn 01 lớp lót 02 lớp phủ.

b) Phần kết cấu:

- Sử dụng phương án móng băng bê tông cốt thép, nền gia cố đệm cát hạt trung dày 1,5m. Bê tông móng mác 200, đá 1x2; cốt thép nhóm AI và AII. Tường cô móng xây gạch mác 75, VXM mác 75.

- Sử dụng hệ khung cột, dầm bê tông cốt thép chịu lực. Dầm, sàn bê tông cốt thép, bê tông mác 200 (đổ toàn khối), đá 1x2; cốt thép nhóm AI và AII.

c) Phần điện, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy, chống sét:

- Sử dụng tủ điện tổng đặt tại tầng 1 cấp đến tủ điện các tầng. Dây dẫn từ các tủ điện đến từng phòng dùng dây lõi đồng, cách điện PVC luồn trong ống nhựa mềm đi ngầm trong tường. Dây dẫn đến các đèn, đến các ổ cắm dùng dây

lỗi đồng, cách điện PVC 2x1,5mm²; 2x2,5mm²; các thiết bị sử dụng gồm quạt trần, bóng đèn, đèn ốp, ổ cắm.

- Hệ thống cấp nước và thoát nước: Sử dụng ống PPR, nước bơm lên bồn nước đặt trên mái bằng ống cấp Φ32, cấp xuống các khu vệ sinh bằng ống Φ32, Φ20. Hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt sử dụng ống PVC Φ60, Φ90, Φ110 (*hai hệ thống tách riêng*). Nước thải sinh hoạt thoát qua hệ thống bể phốt trước khi thoát ra hệ thống cống chung. Các thiết bị vệ sinh gồm xí bệt, Lavabo dùng loại sứ tráng men.

- Hệ thống chữa cháy: Sử dụng dụng cụ cứu hỏa đặt âm tường bao gồm bình MFZ4, bình CO₂, cuộn vải, lăng phun kết hợp với hệ thống báo cháy tự động (đèn báo cháy, các biển chỉ dẫn).

- Chống sét: Sử dụng kim thu sét chủ động đặt trên đỉnh mái và dây dẫn sét D8 nối với các cọc tiếp địa thép kẽm L63x63x6 dài 2,5m.

d) Phần thiết bị: Lắp đặt 04 máy điều hòa 12.000 BTU.

(Chi tiết giải pháp thiết kế, chấp thuận như kết quả thẩm định thiết kế của Sở Xây dựng tại Văn bản số 1237/SXD-GĐ ngày 12 tháng 8 năm 2016).

6. Các Quy chuẩn và Tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng: Theo các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn hiện hành.

7. Tổng mức đầu tư: **3.900,0 triệu đồng.**

(Bằng chữ: Ba tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp:	3.215,4	triệu đồng.
- Chi phí Quản lý dự án:	59,8	triệu đồng.
- Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng:	75,2	triệu đồng.
- Chi phí khác:	240,9	triệu đồng.
- Chi phí dự phòng:	213,3	triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Nhà nước.

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý và điều hành dự án.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2016-2017.

11. Loại cấp công trình: Công trình cải tạo, nâng cấp.

12. Địa điểm xây dựng: Phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý.

13. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Phần công việc thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu với nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Theo các quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Hà Nam; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh (đ/c Thắng);
- Như Điều 3;
- VPUB: LĐVP(2), XD, TH, KT(H);
- Lưu: VT, XD.

TA - D2016/QĐ/047

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Đại Thắng

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
Công trình: Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư
(Kèm theo Quyết định số 1274/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Stt	Tên gói thầu	Giá gói thầu (triệu đồng)	Hình thức, phương lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Thời gian thực hiện	Hình thức hợp đồng	Nguồn vốn
1	Gói thầu số 01: Thi công xây dựng công trình (bao gồm cả hạng mục chung)	3.387,8	Đấu thầu rộng rãi trong nước có sơ tuyển; 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	Quý III/2016	180 ngày	Trọn gói	Ngân sách nhà nước
2	Gói thầu số 02: Tư vấn kiểm toán	68,6	Chỉ định thầu rút gọn	Quý III/2016	20 ngày	Trọn gói	
Tổng giá trị các gói thầu		3.456,40					



BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP TRỤ SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số **1279/QĐ-UBND** ngày **25** tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung chi phí	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
I	Chi phí xây dựng		2.923.119.617	292.311.962	3.215.431.579	Gxd
II	Chi phí thiết bị		54.400.000	5.440.000	59.840.000	Gtb
III	Chi phí quản lý dự án	$(Gxd+Gtb) \times 2,524\%$	75.152.595		75.152.595	Gqlđa
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	$(1+2+...+5)$	212.813.194	21.281.319	240.870.137	Gtv
1	Chi phí khảo sát địa chất		28.435.704	2.843.570	31.279.274	
2	Chi phí lập báo cáo KTKT	$(Gxd+Gtb) \times 3,6\%$	107.190.706	10.719.071	117.909.777	
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$(Gxd) \times 2,628\%$	76.819.584	7.681.958	84.501.542	
4	Chi phí giám sát thi công lắp đặt thiết bị	$(Gtb) \times 0,675\%$	367.200	36.720	403.920	
5	Chi phí lập HSMT; đánh giá HSDT	a+b			6.775.623	
a	Chi phí lập HSMT - Gói xây lắp	ND63			3.387.812	
b	Chi phí đánh giá HSDT - Gói xây lắp	ND63			3.387.812	
V	Chi phí khác	$(1+2+...+7)$	193.475.326	16.470.919	213.334.056	Gk
1	Lệ phí thẩm định báo cáo KTKT	TMĐT x 0,019%	741.000		741.000	
2	Lệ phí thẩm định thiết kế BVTC	$(Gxd) \times 0,165\%$	4.823.147		4.823.147	
3	Lệ phí thẩm định dự toán	$(Gxd) \times 0,16\%$	4.676.991		4.676.991	
4	Chi phí kiểm toán	TMĐT x 1,6%	62.400.000	6.240.000	68.640.000	
5	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	TMĐT x 0,95% x 50%	18.525.000		18.525.000	
6	Chi phí hạng mục chung		102.309.187	10.230.919	112.540.106	Chmc
7	Chi phí thẩm định HSMT; thẩm định kết quả	a+b			3.387.812	
a	Chi phí thẩm định HSMT - Gói xây lắp	ND63			1.693.906	
b	Chi phí thẩm định kết quả LCNT - Gói xây lắp	ND63			1.693.906	
VI	Dự phòng				95.371.633	
VII	TỔNG CỘNG	$(I+II+III+IV+V+VI)$			3.900.000.000	TMĐT

